

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Năm báo cáo 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Đồng Tháp
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1400475345
- Vốn điều lệ: 43.705.100.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 43.705.100.000 VNĐ
- Địa chỉ: 215-217 Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp
- Số điện thoại: 067 3877016
- Số fax: 067 3877029
- Website: www.dopetco.com.vn
- Mã cổ phiếu: DOP

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp là doanh nghiệp được hình thành dưới hình thức cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải Xăng dầu thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp theo Quyết định số 160/QĐ-UB-TL ngày 10/8/2004 của UBND tỉnh Đồng Tháp, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định của luật pháp.

- Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp đi vào hoạt động theo mô hình cổ phần kể từ tháng 11 năm 2004. Trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối (Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp sở hữu 51% cổ phần).

- Ngày 18 tháng 8 năm 2011 được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận số 59/2011/GCNCP-CSD

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- + Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- + Mua bán xăng dầu, nhớt.

- Chuyên vận tải xăng dầu, nhớt, khí hóa lỏng các sản phẩm dầu mỏ, hàng khô.
- Địa bàn kinh doanh: Vận chuyển xăng dầu, nhớt, khí hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ, hàng khô từ các tỉnh miền đông nam bộ đến các tỉnh miền tây nam bộ và Campuchia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Các công ty liên kết:

- Công ty cổ phần vận tải biển Khai Nguyên
- Công ty cổ phần vận tải dầu khí Mekong
- Công ty cổ phần vận tải BMC Đồng Tháp
- Công ty cổ phần dịch vụ du lịch Mỹ Trà

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:



- Tăng cường mạnh mẽ công tác đào tạo nguồn nhân lực,
 - Tìm kiếm đối tác chiến lược
 - Mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực cùng ngành nghề và kinh doanh khác
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy tài năng và sáng tạo.
 - Hợp tác hiệu quả với các đối tác để cùng phát triển và góp phần xây dựng cộng đồng.
 - Phát triển bền vững để gia tăng giá trị cho các cổ đông thông qua đa dạng hóa hoạt động và chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
- Đảm bảo các điều kiện về ô nhiễm môi trường và chống tràn dầu, phòng chống cháy nổ trong lĩnh vực hoạt động của công ty

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tổng doanh thu năm 2012: 54,363 tỷ đồng. Trong đó lợi nhuận trước thuế 12,616 tỷ đồng, chia cổ tức cho cổ đông là 1.600 đ/1 cổ phần.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: mặc dù năm 2012 là năm khó khăn cho tất cả các công ty cùng ngành nghề, nhưng công ty vẫn đảm bảo lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| Họ và tên | Chức vụ | Sinh ngày | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-------------------|----------------|-----------|-------------|-----------|---------|
| Nguyễn Hoàng Quân | Giám đốc | 1979 | 12.231 | 0,28 | |
| Mai An Mỹ | P. Giám đốc | 1961 | 118.010 | 2,70 | |
| Lê Thị Thanh | Kế toán trưởng | 1967 | 3.646 | 0,08 | |

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động bình quân trong công ty năm 2012 là 97 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty đầu tư thêm một phương tiện Sà lan chở dầu tải trọng 1.700 tấn và thực hiện thoái vốn đối với một công ty liên doanh liên kết.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Các công ty liên doanh liên kết với công ty hoạt động tương đối ổn định và có hiệu quả.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đvt: Ngân đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm |
|--|------------|------------|-------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: | | | |
| Tổng giá trị tài sản | | | |
| Doanh thu thuần | 63.280.245 | 68.870.907 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 61.744.990 | 54.363.505 | |
| Lợi nhuận khác | 9.214.856 | 12.122.500 | |
| Lợi nhuận trước thuế | 522.720 | 493.652 | |
| | 9.737.577 | 12.616.152 | |

| | | | |
|----------------------------|-----------|------------|--|
| Lợi nhuận sau thuế | 7.501.726 | 10.613.847 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 1.717 | 2.429 | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 1,77 | 1,02 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 1,77 | 1,02 | |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 13,28 | 10,12 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 15,03 | 12,25 | |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | 3.052 | 223 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 97,57 | 83,29 | |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 14,41 | 17,88 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 16,28 | 17,16 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 13,99 | 15,34 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 18,73 | 21,26 | |
| | 14,92 | 21,13 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Mã cổ phiếu: DOP

Loại cổ phiếu: Phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký: 4.370.510 Cp

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 43.705.100.000 VNĐ

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 4.241.664 Cp

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 128.846 Cp

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Tổng | | |
|--|--------------------|------------|-----------|-------------------|------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số vốn thực góp | 4.370.510 | 43.705.100 | 100 | 4.370.510 | 43.705.100 | 100 |
| Cổ đông sáng lập | 2.265.666 | 22.656.660 | 51,8 | 2.265.666 | 22.656.660 | 51,8 |
| Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 2.463.956 | 24.639.560 | 56,38 | 2.463.956 | 24.639.560 | 56,38 |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 1.294.740 | 12.947.400 | 29,62 | 1.294.740 | 12.947.400 | 29,62 |

b) Cơ cấu cổ đông:

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Tổng | | |
|---|--------------------|------------|-----------|-------------------|----------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số vốn thực góp: | 4.370.510 | 43.705.100 | 100 | 4.370.510 | 43.705.10 | 100 |
| 1. Cổ đông Nhà nước: | 2.228.956 | 22.286.560 | 51 | 2.228.956 | 22.286.56 | 51 |
| 2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) | 181.058 | 1.810.580 | 4,14 | 181.058 | 1.810.580 | 4,14 |
| 3. Cổ đông trong công ty: Cổ phiếu quỹ Cán bộ công nhân viên | 213.517 | 2.135.170 | 4,89 | 213.517 | 2.135.170 | 4,89 |
| 4. Cổ đông ngoài công ty: Cá nhân Tổ chức | 1.746.979 | 17.469.790 | 39,97 | 1.746.979 | 17.469.79 0 | 39,97 |

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ.
e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

A. Kết quả kinh doanh năm 2012:

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2012 tiếp tục là năm khó khăn của nền kinh tế thế giới và khu vực, các doanh nghiệp Việt Nam bị tác động mạnh làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp làm dịch vụ hậu cần, trong đó bao gồm có các doanh nghiệp vận tải thủy nội địa. Trong năm đơn vị gặp những thuận lợi và khó khăn sau:

1.1. Khó khăn:

- Lượng hàng hóa trung chuyển về các kho giảm

- Chi phí dầu máy không ngừng tăng lên
- Chính sách hạn chế hàng hóa trung chuyển về các kho tuyến sau của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tập trung thực hiện công tác nhận hàng tại kho đầu nguồn Phước Khánh.
- Nguồn hàng khai thác cho tàu gas gặp nhiều khó khăn.
- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị vận tải, do vậy muốn giữ được thị phần thì đơn vị phải giảm giá cước, giảm lợi nhuận

1.2. Thuận lợi

- Đã được công ty mẹ Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp điều chỉnh cước vận chuyển (điều chỉnh theo giá dầu tăng lên)
- Được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp mức 30% cho cả năm 2012.

2. Kết quả kinh doanh

Báo cáo doanh thu năm 2012

| Stt | Khoản Mục | Năm 2011 | | KH 2012 | | TH 2012 | | Chênh lệch 2012/2011(%) | | Chênh lệch TH/KH(%) | |
|-----------|-------------|-------------------|--------|-------------------|--------|-------------------|--------|-------------------------|--------|---------------------|--------|
| | | K.L | D.Thu | K.L | D.Thu | K.L | D.Thu | K.L | D.Thu | K.L | D.Thu |
| | | (m ³) | (Tr.đ) | (m ³) | (Tr.đ) | (m ³) | (Tr.đ) | (m ³) | (Tr.đ) | (m ³) | (Tr.đ) |
| 1 | VC nội địa | 680,000 | 38,300 | 670,000 | 38,000 | 597,000 | 34,300 | -12 | -10.44 | -11 | -9.74 |
| 2 | VC tái xuất | 83,785 | 11,300 | 84,000 | 11,500 | 152,000 | 21,400 | 81 | 89.38 | 81 | 86.09 |
| 3 | VC Gas | 6,042 | 2,300 | 8,500 | 3,500 | 1,796 | 735 | -70 | -68.04 | -79 | -78.00 |
| 4 | Hàng khô | | 1,010 | | 1,010 | | 1,010 | | | | |
| 5 | Trạm xăng | 442 | 8,834 | | | | | | | | |
| Tổng Cộng | | | 61,744 | | 54,010 | | 57,445 | | -6.96 | | 6.36 |

Đối với vận chuyển nội địa về mặt lượng giảm 11 % so với kế hoạch đề ra, về mặt giá trị giảm 9.74 %, nguyên nhân giảm là do Công ty mẹ PETIMEX thay đổi chính sách bán hàng.

Đối với vận chuyển xăng dầu tái xuất về mặt lượng tăng 81 % nhưng về mặt giá trị tăng 86.09%.

Đối với vận chuyển gas về mặt lượng giảm 79 % về mặt giá trị giảm 78 %, nguyên nhân có tháng tàu không có nguồn hàng khai thác và do tàu đến hạn kiểm tra định kỳ vào tháng 10/2012.

Bảng Tổng hợp kết quả kinh doanh năm 2012

| Stt | Khoản mục | Năm 2011 | Năm 2012 | | |
|-----|---------------|----------|----------|--------|--------|
| | | | KH | TH | TH/KH |
| 1 | Doanh thu | 61.744 | 54.000 | 57.363 | 106.3% |
| 2 | LN trước thuế | 9.737 | 11.000 | 12.122 | 113.6% |
| 3 | Thuế TNDN | | | 1.900 | |
| 4 | LNST | | | 10.613 | |

Tình hình các công ty liên doanh liên kết:

- Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên chia cổ tức vượt kế hoạch đề ra: đạt 25% tương đương 830 triệu đồng
- Công ty CP Vận Tải Biển Dầu Khí Mê Kông kết quả khả quan, bắt đầu có lãi, không trích lập thêm quỹ dự phòng tài chính cho đơn vị này nữa.
- Công ty cổ phần vận tải BMC kết quả dự kiến năm 2012 không lãi.
- Công ty CP cơ khí xây dựng, đơn vị đã thoái vốn xong với mức giá là 12.500 đ/1 cổ phần.

3. Công tác đầu tư:

Trong năm đã đầu tư thêm tàu Đồng Tháp 12 trong tải 1.700 tấn với tổng giá trị đầu tư là 6.900 triệu đồng (đã bao gồm VAT, sửa chữa nhỏ phục vụ khai thác kịp thời, chuyển chủ sở hữu)

4. Công tác nhân sự:

Nhân sự tương đối ổn định, có sự thay đổi về lao động quản lý của công ty, đồng chí Đặng Thanh Hải Phó giám đốc công ty đã được công ty PETIMEX điều chuyển về phòng kinh doanh PETIMEX, bổ sung vào đồng chí Mai An Mỹ, tuyển dụng vào một nghiệp vụ kế toán (nam) thay thế cô Tống Thị Tuyết Trinh xin nghỉ việc do hoàn cảnh gia đình,

Tổng số lao động bình quân trong năm là 97 người, thu nhập bình quân 6 triệu đồng/người/tháng.

5. Công tác an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ:

Năm qua, đơn vị thực hiện tốt công tác an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ không để xảy ra vi phạm công tác an toàn giao thông.

6. Công tác khác:

Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán và nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012:

Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt: Ngân đồng | | |
|-----|------------------------------------|----------------|------------|---------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | Ghi chú |
| 1 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 61.744.990 | 57.363.505 | |
| 2 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV | 53.945.370 | 38.454.120 | |
| 3 | Doanh thu từ hoạt động tài chính | 927.216 | 1.284.927 | |
| 4 | Chi phí hoạt động tài chính | 220.377 | | |
| 5 | Chi phí bán hàng | 36.287.444 | 21.476.589 | |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6.943.884 | 6.119.237 | |
| 7 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 9.214.856 | 12.122.500 | |
| 8 | Thu nhập khác | 744.660 | 493.652 | |
| 9 | Chi phí khác | 221.939 | | |
| 10 | Lợi nhuận khác | 522.720 | 493.652 | |
| 11 | Lợi nhuận trước thuế | 9.737.577 | 12.616.152 | |
| 12 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.235.851 | 2.002.305 | |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế | 7.501.726 | 10.613.847 | |
| 14 | Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu | 1.717 | 2.429 | |

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt: Ngân đồng | | |
|-----|-------------------------------------|----------------|------------|---------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | Ghi chú |
| I | Tài sản ngắn hạn: | 8.811.708 | 12.784.178 | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.022.022 | 5.105.679 | |
| 2 | Các khoản phải thu | 4.486.188 | 6.876.654 | |
| 3 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | | |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 268.554 | 804.649 | |
| 5 | Hàng tồn kho | 34.943 | 6.195 | |
| II | Tài sản cố định và đầu tư dài hạn: | 54.468.536 | 56.086.728 | |
| 1 | Tài sản cố định | 44.471.479 | 46.211.506 | |
| 2 | Đầu tư tài chính dài hạn | 8.308.249 | 7.513.399 | |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 1.688.807 | 2.361.822 | |
| III | Tổng tài sản | 63.280.245 | 68.870.907 | |
| IV | Nợ phải trả: | 8.208.028 | 7.237.710 | |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 8.150.677 | 7.237.710 | |
| 2 | Nợ dài hạn | 57.351 | | |
| V | Nguồn vốn chủ sở hữu | 54.625.627 | 61.633.197 | |

| | | | |
|--------------------------------|------------|------------|--|
| Vốn chủ sở hữu | 54.625.627 | 61.633.197 | |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác | | | |
| Tổng nguồn vốn | 63.280.245 | 68.870.907 | |

Các chỉ tiêu đánh giá về kết quả kinh doanh:

| Stt | Chỉ tiêu | Tỷ lệ % | | Ghi chú |
|-----|---|----------|----------|---------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | |
| 1 | Cơ cấu về tài sản | | | |
| | - Tài sản cố định/Tổng tài sản | 86,50 | 86,50 | |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 13,49 | 13,49 | |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | 13,28 | 10,12 | |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | 86,71 | 89,87 | |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 18,73 | 21,26 | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | 14,41 | 17,88 | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản | 18,19 | 18,24 | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 13,99 | 15,34 | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH | 16,28 | 17,16 | |

B. Kế hoạch kinh doanh năm 2013:

1. Nhận định tình hình

Kinh tế Việt Nam trong năm tới cũng không mấy khả quan hơn năm 2012, vẫn thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát.

Các chi phí đầu vào phục vụ cho ngành vận tải có xu hướng tăng, tăng trực tiếp, tăng gián tiếp, đặc biệt là giá chi phí nhiên liệu có khả năng tăng mạnh.

Khối lượng hàng vận chuyển trong nước cho công ty mẹ khó có khả năng tăng thêm tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là về các kho tuyến sau của công ty như kho Trần Quốc Toàn, kho Tân Phú Thạnh, Kho Trường Xuân Thập Mười, khối lượng hàng vận chuyển cho trạm cấp phát xăng dầu Đồng Nai sẽ tăng dự kiến tăng khoảng 10%.

Sự cạnh tranh gay gắt, sống còn giữa các đơn vị vận tải thủy với nhau.

Chi phí sửa chữa sẽ tăng hơn năm 2102 do đến kỳ sửa chữa lớn của các tàu.

Trên cơ sở đó, chúng tôi xây dựng các chỉ tiêu định hướng cho hoạt động kinh doanh năm 2013 như sau:

2. Các chỉ tiêu định hướng

Dự kiến doanh thu hoạt động năm 2013 như sau

| Stt | Khoản mục | Đvt: Tr.đ | | |
|-----|------------------------|-----------|--------|--------------|
| | | 2012 | 2013 | % chênh lệch |
| 1 | VC xăng dầu trong nước | 34,300 | 37,000 | 8 |
| 2 | VC xăng dầu tái xuất | 21,400 | 18,000 | -16 |
| 3 | VC gas | 735 | 1,800 | 145 |
| 4 | VC hàng khô | 1,008 | 1,008 | 0 |
| | Tổng Cộng | 57.445 | 57,808 | 0.64 |

Dự kiến các chỉ tiêu kinh tế tài chính năm 2013

1. Doanh thu đạt 57 tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế: 11 tỷ đồng
3. Dự kiến mức cổ tức năm 2013: 16 %
4. Quỹ lương được trích tối đa không quá 40% lợi nhuận chưa lương.

3. Giải pháp thực hiện:

Cũng cố mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, kể cả trong nội địa lẫn tái xuất, bên cạnh đó tìm các nguồn hàng vận chuyển mới, cả trong vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.

Thực hiện tốt trong công tác giao nhận hàng hóa.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên hạn chế tối đa tai nạn giao thông, bảo quản máy móc, sửa chữa, công tác bảo quản tàu nhằm tiết kiệm chi phí hơn nữa.

Nhằm phục vụ cho nhu cầu trước mắt, Ban Điều hành sẽ trình HĐQT cho phép hoán cải tàu từ 1.000 tấn lên 1.500 tấn, do đặc tính khách hàng hiện nay là họ thường mua theo lô 3.000 tấn, 5.000 tấn, với năng lực hiện tại đơn vị không thể đáp ứng kịp thời cho nhu cầu khách hàng.

Các tàu khô, Sông Tiền 25 đang khai thác không hiệu quả, Ban Điều hành sẽ trình HĐQT xem xét bán các tàu này khi điều kiện cho phép.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Giám đốc điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý là những người có năng lực, đoàn kết, nhất trí cao, luôn tuân thủ, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đã tổ chức chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Năm 2012 Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo, điều hành Công ty thực hiện cơ bản hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|------------------|--------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Đứng | Chủ tịch | 4/4 | 100% | |
| 2 | Ngô Thị Xuân Nữ | Phó Chủ tịch | 4/4 | 100% | |
| 3 | Huỳnh Văn Thành | Thành viên | 3/4 | 75% | Vắng ngày 26/10/12 |
| 4 | Nguyễn Đức Vượng | Thành viên | 4/4 | 100% | |
| 5 | Nguyễn Ngọc Thới | Thành viên | 4/4 | 100% | |

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc:

- Hàng quý, các thành viên Hội đồng quản trị công ty đã được báo cáo về tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

- Hoạt động giám sát được các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng Pháp luật và Điều lệ công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-ĐHĐCD/2012 | 27/04/2012 | - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2011 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 - Báo cáo thẩm tra kết quả sản xuất kinh doanh của Ban kiểm soát năm 2011 - Báo cáo kết quả Kiểm toán năm 2011 - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 - Tờ trình mức chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2012 - Tờ trình lựa chọn công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 |

| | | | |
|---|------------|------------|--|
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 15/06/2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Đơn từ nhiệm Giám đốc của Ông Nguyễn Văn Đứng kể từ ngày 15/06/2012 - Thống nhất giao cho Ông Nguyễn Hoàng Quân Phó Giám đốc điều hành công ty từ ngày 15/06/2012 |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 26/10/2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Quân làm Giám đốc Công ty và Ông Mai An Mỹ làm Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2012 - Thống nhất Đơn xin từ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát của Ông Phạm Ngọc Huỳnh kể từ 31/12/2012 - Thống nhất lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản bầu thay thế Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 01/01/2013 |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 17/01/2013 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 trình Đại hội đồng Cổ đông - Báo cáo thẩm tra kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của BKS |

2. *Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị*

| | | | |
|---|------------------|------------------|------------|
| 1 | Nguyễn Văn Đứng | Chủ tịch HĐQT | 18.000.000 |
| 2 | Ngô Thị Xuân Nữ | P. Chủ tịch HĐQT | 14.400.000 |
| 3 | Nguyễn Đức Vượng | Thành viên HĐQT | 12.000.000 |
| 4 | Nguyễn Ngọc Thới | Thành viên HĐQT | 12.000.000 |
| 5 | Huỳnh Văn Thành | Thành viên HĐQT | 12.000.000 |

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán*



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
AFC VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED

Can Tho Office
237A5 30 Tháng 4 street
Hưng Lợi Ward
Ninh Kiều District, Can Tho City
Vietnam
Telephone: +84 710 3827888
telefax: +84 710 3823209
Website: www.afcaudit.vn
Email: afcaudit@afcaudit.vn

Số: 050/2013/CT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐANG THỊ MỸ VÂN

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH Kiểm toán AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 28 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0600/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|----------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 12.784.178.782 | 8.811.708.631 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 5.105.679.878 | 4.022.022.224 |
| Tiền | 111 | | 5.105.679.878 | 4.022.022.224 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| Các khoản phải thu | 130 | | 6.867.654.386 | 4.486.188.184 |
| Phải thu khách hàng | 131 | 4.2 | 6.680.826.564 | 3.980.935.258 |
| Trả trước cho người bán | 132 | 4.3 | 144.800.000 | 185.355.500 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 187.056.600 | 274.476.600 |
| Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD | 134 | | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 135 | | 18.027.822 | 45.420.826 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (163.056.600) | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 4.4 | 6.195.249 | 34.943.840 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 6.195.249 | 34.943.840 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 804.649.269 | 268.554.383 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 4.11 | 275.673.269 | - |
| Các khoản thuế phải thu | 154 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 4.5 | 528.976.000 | 268.554.383 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 56.086.728.813 | 54.468.536.463 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 213 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 46.211.506.620 | 44.471.479.308 |
| TSCĐ hữu hình | 221 | 4.6 | 45.845.506.620 | 44.105.479.308 |
| - Nguyên giá | 222 | | 67.694.962.563 | 61.432.263.090 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (21.849.455.943) | (17.326.783.782) |
| TSCĐ thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| TSCĐ vô hình | 227 | | 366.000.000 | 366.000.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 366.000.000 | 366.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 4.7 | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.8 | 7.513.399.947 | 8.308.249.947 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 12.463.976.460 | 13.258.826.460 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | | (4.950.576.513) | (4.950.576.513) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.361.822.246 | 1.688.807.208 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.9 | 2.361.822.246 | 1.688.807.208 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 68.870.907.595 | 63.280.245.094 |

2012
C
TRÁCH
K
AFC
C
T
HÀNH K

ICP
S.D.K.K
VẬN
ĐỒ
CAO LÃNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 7.237.710.473 | 8.654.617.202 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.237.710.473 | 8.597.265.697 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | - |
| Phải trả cho người bán | 312 | 4.10 | 2.287.335.712 | 283.657.802 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | | 130.783.147 | 3.329.975 |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | 4.11 | 537.587.835 | 246.089.254 |
| Phải trả người lao động | 315 | | 1.222.798.933 | 1.224.911.867 |
| Chi phí phải trả | 316 | 4.12 | 441.170.670 | 71.555.695 |
| Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD | 318 | | - | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 4.13 | 2.309.077.923 | 6.321.132.838 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 308.956.253 | 446.588.266 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | 57.351.505 |
| Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | 4.14 | - | 57.351.505 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 61.633.197.122 | 54.625.627.892 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.15 | 61.633.197.122 | 54.625.627.892 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 43.705.100.000 | 43.705.100.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4.412.000 | 4.412.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 735.528.390 | 735.528.390 |
| Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 4.452.125.333 | 3.701.552.696 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.384.939.086 | 2.009.852.767 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 10.351.092.313 | 4.469.182.039 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 68.870.907.595 | 63.280.245.094 |

1995-C
 CÔNG TY
 KHENH
 EM TÔI
 VIỆT
 ANH
 ANH

80
 TÀI
 NG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|---|-------------|------------|------------|
| Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| Ngoại tệ các loại USD | | 79.788,91 | - |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

ctt

Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân



140
ĐỒNG THÁP
PHƯỜNG MỸ PHÚ
CÁI LÃNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng doanh thu | 01 | 5.1 | 57.363.505.849 | 61.744.990.307 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| Doanh thu thuần | 10 | | 57.363.505.849 | 61.744.990.307 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 18.909.385.150 | 7.799.619.986 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 38.454.120.699 | 53.945.370.321 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 1.284.927.941 | 927.216.340 |
| Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 20.720.328 | 2.426.400.901 |
| - Trong đó: lãi vay | 23 | | | 220.377.956 |
| Chi phí bán hàng | 24 | | 21.476.589.736 | 36.287.444.124 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 6.119.237.807 | 6.943.884.992 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.122.500.769 | 9.214.856.644 |
| Thu nhập khác | 31 | 5.5 | 493.652.227 | 744.660.305 |
| Chi phí khác | 32 | | | 221.939.412 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 493.652.227 | 522.720.893 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.616.152.996 | 9.737.577.537 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.6 | 2.002.305.129 | 2.235.851.159 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 10.613.847.867 | 7.501.726.378 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.8 | 2.429 | 1.717 |

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng

lsh
 Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| KHOẢN MỤC | Mã số | 2012 | 2011 |
|--|-----------|------------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác | 01 | 57.689.469.230 | 64.842.579.607 |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | (34.823.988.474) | (47.196.386.425) |
| Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (6.593.802.792) | (4.980.992.909) |
| Tiền chi trả lãi vay | 04 | - | (223.238.695) |
| Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (1.708.227.847) | (74.571.760) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 4.715.915.587 | 5.049.521.875 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 | (7.378.425.603) | (5.520.062.994) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 11.900.940.101 | 11.896.848.699 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | (6.262.699.473) | (596.815.078) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| Chi tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 794.850.000 | 890.913.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.284.927.941 | 914.854.982 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (4.182.921.532) | 1.208.952.904 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu | 32 | - | - |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 943.100.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | (4.706.084.300) |
| Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (6.634.360.915) | (5.563.015.846) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (6.634.360.915) | (9.326.000.146) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 50 | 1.083.657.654 | 3.779.801.457 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 60 | 4.022.022.224 | 242.220.767 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5.105.679.878 | 4.022.022.224 |

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

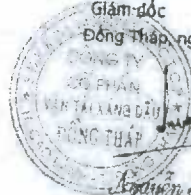
clal

Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân

9

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Đứng